

CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU ETL
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU ETL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ETL IMPORT EXPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: ETL IMPORT EXPORT CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109939398

3. Ngày thành lập: 21/03/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 4, ngách 22/66 đường Kim Quan, tổ 5, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02086283222

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4511
2.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4512
3.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4513
4.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4530
6.	Bán mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá mô tô, xe máy loại mới và loại đã qua sử dụng)	4541
7.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4543
9.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	4610
10.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
11.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
12.	Bán buôn thực phẩm	4632

13.	Bán buôn đồ uống	4633
14.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
15.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
16.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
17.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659(Chính)
20.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
21.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu)	4662
22.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
23.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
24.	Trồng lúa	0111
25.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
26.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
27.	Trồng cây mía	0114
28.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
29.	Trồng cây lấy sợi	0116
30.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
31.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
32.	Trồng cây hàng năm khác	0119
33.	Trồng cây ăn quả	0121
34.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
35.	Trồng cây điều	0123
36.	Trồng cây hồ tiêu	0124
37.	Trồng cây cao su	0125
38.	Trồng cây cà phê	0126
39.	Trồng cây chè	0127
40.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
41.	Trồng cây lâu năm khác	0129
42.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
43.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
44.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
45.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
46.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
47.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
48.	Chăn nuôi gia cầm	0146
49.	Chăn nuôi khác	0149
50.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150

51.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
52.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
53.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
54.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
55.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
56.	Khai thác gỗ	0220
57.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
58.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
59.	Khai thác thủy sản biển	0311
60.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
61.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
62.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng hoá công ty kinh doanh	8299
63.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
64.	Quảng cáo (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
65.	Cho thuê xe có động cơ	7710
66.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
67.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
68.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
69.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
70.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
71.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
72.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
73.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
74.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
75.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Trừ Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
76.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
77.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
78.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
79.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
80.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
81.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
82.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750

83.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
84.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
85.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
86.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
87.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
88.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
89.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
90.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
91.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
92.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
93.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
94.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
95.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
96.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
97.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
98.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
99.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
100.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
101.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
102.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển - Logistics - Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan vận tải hàng hóa hàng không)	5229

103.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
104.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
105.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
106.	Điều hành tua du lịch	7912
107.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
108.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
109.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
110.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
111.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
112.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
113.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
114.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
115.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
116.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

6. Vốn điều lệ: 4.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	MA QUANG ĐÔNG	Việt Nam	Thôn Đá Bay, Xã Bình Yên, Huyện Định Hoá, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	3.600.000.000	90,000	091551694	
2	NGUYỄN THÀNH TRUNG	Việt Nam	Số 4, ngách 22/66, đường Kim Quan, tổ 5, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	400.000.000	10,000	001085047792	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: MA QUANG ĐÔNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 12/01/1987

Dân tộc: Tày

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 091551694

Ngày cấp: 05/09/2016

Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Nguyên

Địa chỉ thường trú: *Thôn Đá Bay, Xã Bình Yên, Huyện Định Hoá, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số nhà 534, đường Quang Trung, tổ 1, Phường Thịnh Đán, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội